

THẬP NHỊ DƯỢC XOA ĐẠI TƯỚNG

Dược Xoa: Phạm văn là **Yakṣa**, dịch âm là Dạ Xoa, Duyệt Xoa, Dạ khát Xoa... Dịch ý là Dũng Kiện, Kinh Tiệp Quý, Tiệp Tật Quý... Phần lớn Dạ Xoa trụ ở trên Trời, hoặc hang hốc tại núi sâu, hoặc hải đảo hoang vắng, thường đi lại trong hư không, chẳng có dấu tích nhất định. Hàng Dạ Xoa nhận sự thống lãnh của **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa) trong bốn vị Thiên Vương, Dạ Xoa có thiện có ác, có kẻ dùng uy thế để gây hại cho con người, có kẻ lại thủ hộ **Chính Pháp** (Saddharma)

_ Dược Xoa có ba loại hình:

1_ **Không Hành Dược Xoa** (Hư Không Dược Xoa): Loại Dược Xoa này có Thần Thông rộng lớn, có lúc thời hậu cận nơi mà Phật Bồ Tát đã hóa hiện ra

2_ **Thiên Hành Dược Xoa:** là Dược Xoa hay bay đi trong hư không

3_ **Địa Hành Dược Xoa:** là Dược Xoa hoạt động tại mặt đất, di động nhanh lẹ với tốc độ phi thường, ban ngày thì nghỉ ngơi, ban đêm đi ra ngoài, hoặc ẩn cư ở huyệt động trong lòng núi

Dược Xoa cũng phân biệt có tướng nam nữ: tướng nam dũng mãnh cương cường hoặc tướng khủng bố, tướng nữ xinh đẹp lộng lẫy và chẳng thấy được dạng xấu ác của **Mẫu Dạ Xoa** khi mắng chửi con người. Phật, Bồ Tát thường duyên vào Tâm Đại Bi dùng Trí Tuệ Chính Định hóa hiện **tướng Kim Cương Dạ Xoa Khủng Bố** trợ giúp cho người học Phật giải trừ phiền não, khiến cho đại tinh tiến tu hành. Sở dĩ Dược Xoa hay được xưng là **Đại Tướng** hoặc **Thần Tướng** là do Dược Xoa đã có đủ quả vị của **Kim Cương Bồ Tát**, ủng hộ người hành Đạo có Tâm Đại Từ Bi và tinh thần Đại Vô Úy, đầy đủ Công Đức, uy nghiêm tự tại.

_ Dựa trên năng lực thì Dược Xoa có năm loại tên gọi riêng

1_ **Quý Nhân:** Dược Xoa hay tự mình được phú quý, lại khiến cho con người được phú quý, khiến cho người ở vị trí bên trên, tức ý là người thuộc bậc trên (Thượng Đẳng Nhân). Trong tín ngưỡng của dân gian, vì cầu hiển đạt cho nên thờ phụng Dược Xoa Thần Kỳ rất phổ biến

2_ **Già Trì:** Thần Chú của Dược Xoa có công năng **sinh thiện diệt ác**, hay che chận mọi loại ác, giữ gìn tất cả điều thiện lành, thần nghiệm linh cảm phi thường cho nên có tên gọi là **Già Trì**

3_ **Tật Phong:** Dược Xoa có thân thủ rất nhanh nhẹn, đi lại trên Trời với nhân gian mau chóng như ngọn gió, cho nên hay nhanh chóng thừa sự việc Phật với đáp ứng việc mong cầu của chúng sinh

4_ **Dũng Kiện:** hiển bày sức lực cương mãnh cường tráng của Dược Xoa chẳng bị Ngoại Lực tội phục mà hay chế phục tất cả, cho nên Phật Bồ Tát dùng Tâm Đại Bi thường hiện thân Kim Cương Lực Sĩ cứu độ chúng sinh

5_ **Bí Mật:** Do Dược Xoa là thân hóa hiện của chư Phật Bồ Tát, có hành tung bí mật và Bản Thể bí mật nên có tên gọi là **Bí Mật**

_ **Thập Nhị Dược Xoa Đại Tướng** là 12 vị Thần hộ trì Pháp Môn **Dược Sư**. Lại xưng là Dược Sư Thập Nhị Thần Tướng, Thập Nhị Thần Vương... dùng Thần Lực của Đức Phật Dược Sư bảo hộ chúng sinh. Mỗi một vị Dược Xoa Đại Tướng đều có bảy ngàn Dược Xoa, tổng cộng thành tám vạn bốn ngàn Dược Xoa. Tám vạn bốn ngàn Dược Xoa là dụng cụ để đối phó với tám vạn bốn ngàn trần lao. Do đó, **Nam mô Thập Nhị Dược Xoa Đại Tướng** hay thống lãnh bảy ngàn quyền thuộc gánh vác hữu tình, hộ trì Chính Pháp, thực hành **Phật Nguyên**

)Kinh **Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyên Công Đức** ghi chép là: “Lúc đó trong Chúng có mười hai vị Đại Tướng Được Xoa đều ngồi ngay trong Hội, ấy là: Đại Tướng **Cung Tỳ La** (Kumbhīra), Đại Tướng **Bạt Chiết La** (Vajra), Đại Tướng **Mê Xí La** (Mihira), Đại Tướng **An Đễ La** (Andira), Đại Tướng **Át Nễ La** (Majira), Đại Tướng **Săn Đễ La** (Śandira), Đại Tướng **Nhân Đạt La** (Indra), Đại Tướng **Bà Di La** (Pajra), Đại Tướng **Ma Hồ La** (Makura), Đại Tướng **Chân Đạt La** (Siṅḍura), Đại Tướng **Chiêu Đồ La** (Catura), Đại Tướng **Tỳ Yết La** (Vikarala).

Mười hai vị Đại Tướng Được Xoa này, mỗi một vị đều có bảy ngàn Được Xoa dùng làm quyến thuộc, cùng lúc mở lời bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn ! Nay chúng con nương vào uy lực của Đức Phật, được nghe danh hiệu của Đức Thế Tôn Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai nên chẳng còn sợ hãi nẻo ác nữa. Tướng Soái chúng con cùng chung một lòng, cho đến hết đời xin quy y Phật Pháp Tăng, thế sẽ gánh vác tất cả hữu tình để làm các việc nghĩa lợi, nhiều ích, an vui. Tùy theo những chỗ nào, làng xóm, thành, nước, ấp, Không Nhân, trong rừng ... Nếu có lưu bố Kinh này, hoặc lại có người thọ trì danh hiệu của Đức Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cung kính cúng dường thì quyến thuộc của chúng con đều hộ vệ người đó, đều khiến cho giải thoát tất cả nạn khổ. Mọi mong cầu của chư Hữu đều khiến cho đầy đủ. "

_Tùy theo từng Dòng Phái mà hình tượng của 12 vị Thần Tướng này được tạo lập khác nhau kể cả tên Phạn và Chủng Tử

Đồ Tượng quyển 3, trang 7 ghi nhận là: “Tý Thần (Bhoghara), Sứ Thần (Sautura), Dẫn Thần (Cindra), Mảo Thần (Makura), Thìn Thần (Bhayara), Tỳ Thần (Indra), Ngộ Thần (Suramra), Mùi Thần (Maṇira), Thân Thần (Andāra), Dậu Thần (Mikhara), Tuất Thần (Vagira), Hợi Thần (Kimvira)”

Đồ Tượng Quyển 7, trang 423 ghi nhận: Tý Thần (Vighara), Ngộ Thần (Saramra), Dậu Thần (Migara), Tuất Thần (Vagara)... còn lại thì giống Đồ Tượng Quyển 3

Đồ Tượng Quyển 5, trang 427 ghi nhận là: “Tý Thần (Vikara), Sứ Thần (Saudhura), Dẫn Thần (Cintara), Mảo Thần (Mahura), Thìn Thần (Paira), Tỳ Thần (Indra), Ngộ Thần (San Đễ), Mùi Thần (Adira), Thân Thần (Antira), Dậu Thần (Mekira), Tuất Thần (Pacara), Hợi Thần (Kuvira)”

Kinh **Được Sư Lưu Ly Quang** (bản Phạn) ghi nhận tên gọi của 12 vị Đại Tướng Được Xoa là: “Kimbhīra (Hợi Thần), Vajra (Tuất Thần), Mekhila (Dậu Thần), Antila (Thân Thần), Anila (Mùi Thần), Saṅthila (Ngộ Thần), Indala (Tỳ Thần), Pāyila (Thìn Thần), Mahāla (Mảo Thần), Cidāla (Dẫn Thần), Caundhula (Sứ Thần), Vikala (Tý Thần)”

Truyền Thống khác ghi nhận là: “Tý Thần (Vikara), Sứ Thần (Aidhura), Dẫn Thần (Intara), Mảo Thần (Mahura), Thìn Thần (Paira), Tỳ Thần (Indra), Ngộ Thần (Sandira), Mùi Thần (Adira), Thân Thần (Antira), Dậu Thần (Mekira), Tuất Thần (Pacara), Hợi Thần (Khumvira)”

Theo Thượng Tọa **Ấn Thuận** cùng với một số nhà học Phật ở Nhật Bản và phương Tây công nhận thì tên Phạn của 12 vị Thần Tướng là:

Cung Tỳ La Đại Tướng (Kumbhīra) Phạt Chiết La Đại Tướng (Vajra) Mê Xí La Đại Tướng (Mihira) An Đễ La Đại Tướng (Andira) Ngạch Nễ La Đại Tướng (Majira) San Đễ La Đại Tướng (Śandira) Nhân Đạt La Đại Tướng (Indra) Bà Di La Đại Tướng (Pajra) Ma Hồ La Đại Tướng (Makura) Chân Đạt La Đại Tướng (Siṅḍura) Chiêu Đồ La Đại Tướng (Catura) Tỳ Yết La Đại Tướng (Vikarala)



Mười hai vị Đại Tướng Dược Xoa biểu thị cho việc ứng thuận với 12 Nguyên lớn của Đức Phật Dược Sư mà hóa hiện làm Yết Ma Thần gánh vác chúng sinh và hộ vệ cho mọi người. Do ý nghĩa ấy nên 12 vị Thần Tướng này được xem là phân thân của Đức Phật Dược Sư

1_ **Kumbhira** ứng với Nguyên thứ nhất:
Nguyên Ta đời sau được Bồ Đề
Thân sáng rực rỡ chiếu Pháp Giới
Tướng tốt trang nghiêm thân Trượng Phu
Khiến các hữu tình không khác Ta



2_ **Vajra** ứng với Nguyệt thứ hai:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Ánh sáng, Công Đức rất rộng lớn
Lưỡi lửa trang nghiêm hơn Nhật Nguyệt
Chúng sinh u minh đều mở sáng



3_ **Mihira** ứng với Nguyệt thứ ba:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Trí Tuệ, phương tiện vô biên lượng
Vật cần thọ dụng đều không tận
Không để chúng sinh có thiếu thốn.



4_ **Andira** ứng với Nguyệt thứ tư:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Khiên các Tà Hạnh trụ Chính Đạo
Nếu người hành Thanh Văn, Độc Giác
Đều dùng Đại Thừa mà an lập



5_ **Majira** ứng với Nguyệt thứ năm:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Vô biên hữu tình tu Phạm Hạnh
Đều khiến đầy đủ ba **Tụ Giới**
Giả sử có phạm, lại trong sạch



6_ **Sandira** ứng với Nguyệt thứ sáu:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình thân kém, chẳng đủ Căn
Nghe tên Ta xong, đủ các căn
Đoan chính, thông tuệ, không bệnh khổ



7_ **Indra** ứng với Nguyệt thứ bảy:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình: mọi bệnh, nghèo túng, khổ
Danh hiệu của Ta thoáng qua tai
Thân tâm an vui, đủ của cải



8_ **Pajra** ứng với Nguyệt thứ tám:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Người nữ bị trăm ác bức bách
Sinh tâm chán lìa, nghe tên Ta
Liên được chuyển thành thân Trượng Phu



9_ **Makura** ứng với Nguyệt thứ chín:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Khiên các hữu tình thoát lưới Ma
Thoát khỏi rừng rậm của Ngoại Đạo
Chính Kiến tu tập Hạnh Bồ Tát



10_ **Sinđura** ứng với Nguyệt thứ mười:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình bị phép vua gây khổ
Vớ tai nạn khác ép thân tâm
Dùng uy thần Ta đều giải thoát



11_ **Catura** ứng với Nguyệt thứ mười một:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình đói khát nhân tạo nghiệp
Ta cho ăn uống, thân no đủ
Sau dùng Pháp Vị, an vui hết



12_ **Vikarala** ứng với Nguyệt thứ mười hai:
Nguyệt Ta đời sau được Bồ Đề
Hữu tình không chỗ dựa, nóng lạnh
Chuyên niệm tên Ta được quần áo
Vật trang nghiêm báu cũng đầy đủ



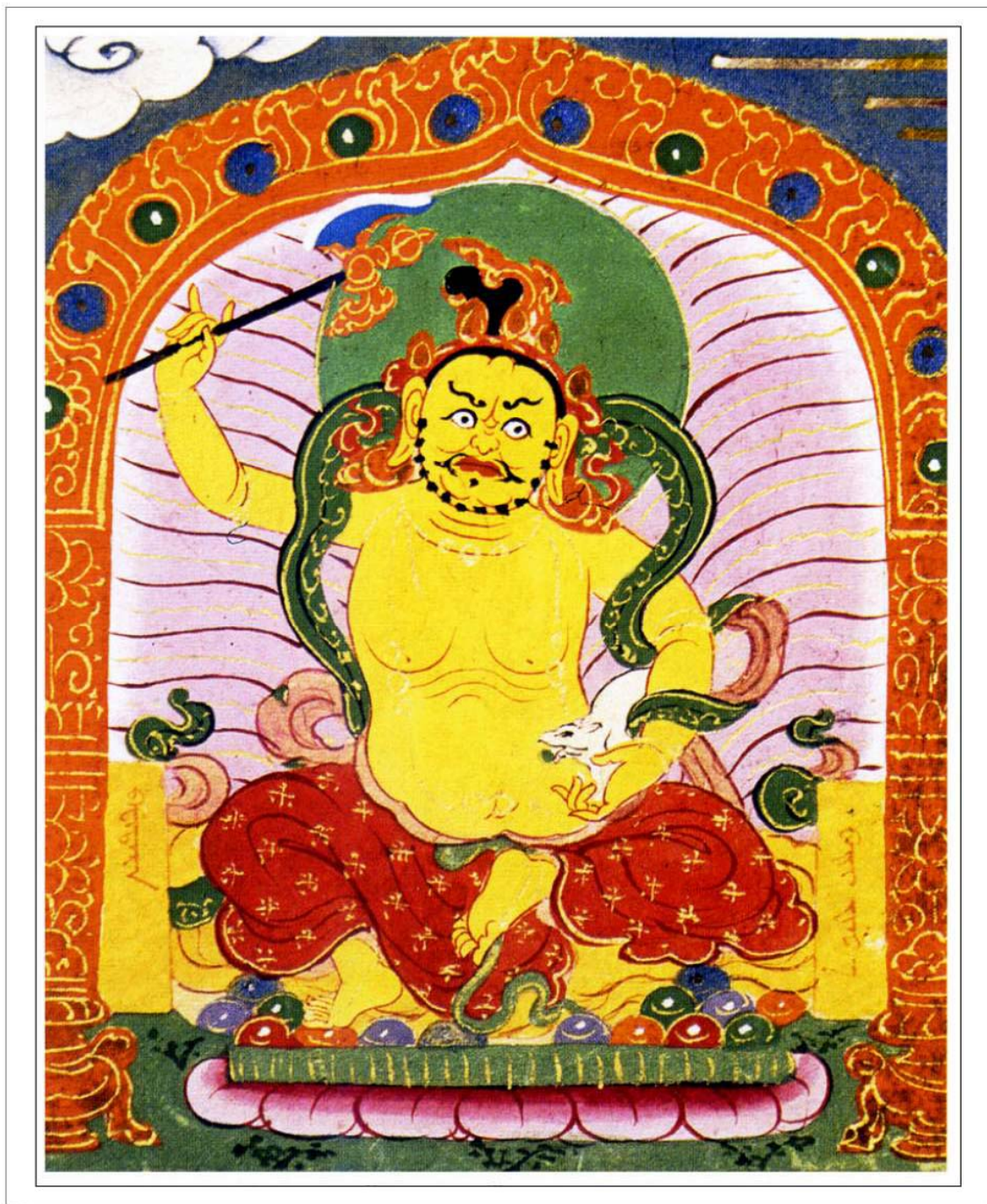
_Tạng Truyền Phật Giáo ghi nhận hình tướng của 12 vị Đại Tướng Dược Xoa là:

1_ Chấp Âm Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执饮药叉大将

2_Chấp Ngôn Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执言药叉大将

3_ Cháp Phong Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执风药叉大将

4_ Cháp Khô Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执苦药叉大将

5_Chấp Mâu Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执矛药叉大将

6_Chấp Tướng Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执想药叉大将

7_Chấp Nghiêm Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执严药叉大将

8_ Hồng Hôi Kim Cương Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-红灰金刚药叉大将

9_Cực Ủy Dược Xoa Đại Tướng:



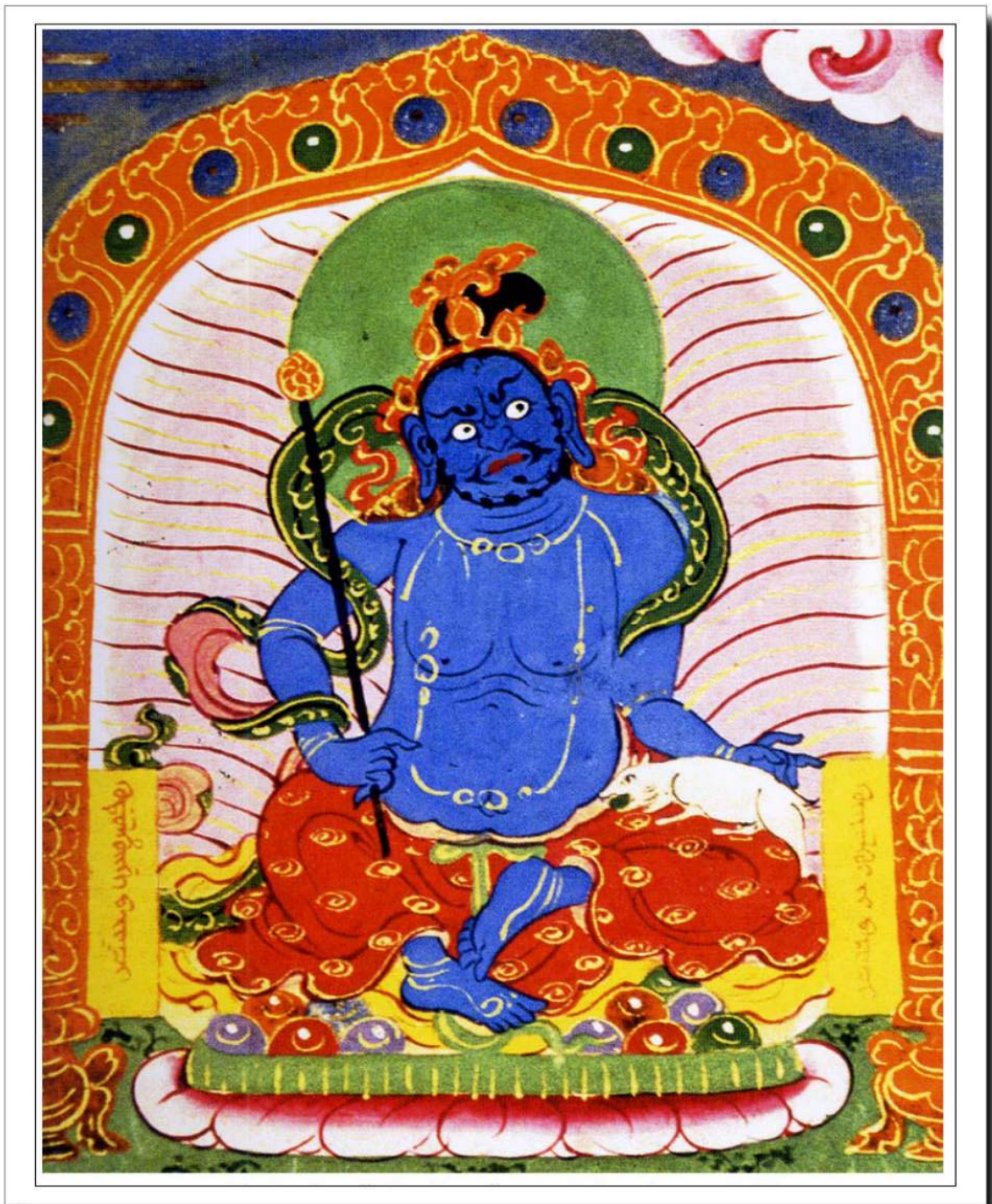
蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-极畏药叉大将

10_ Truong Thù Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将—杖手药叉大将

11_ Cháp Động Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-执动药叉大将

12_Viên Mãn Dược Xoa Đại Tướng:



蒙古文《甘珠尔》药师十二神将-圓滿药叉大将

Y theo **Phật Điển** ghi chép thì 12 vị Thần Tướng ấy ở trong 12 giờ của ngày đêm, bốn mùa, 12 tháng thay phiên nhau thống lãnh quyền thuộc thủ hộ chúng sinh.

Riêng việc phối trí 12 vị Thần Tướng với 12 vị **Thời Thần** thì có ba dòng truyền thừa.

*) Cách thứ nhất (**Nguyệt Tướng**): bắt đầu khởi từ Hợi ngược lên cho đến Tý (Nguyệt Tướng) tức Cung Tỳ La là Hợi Thần, Bạt Chiết la là Tuất Thần....Tỳ Yết La là Tý Thần.

1) **Tỳ Yết La** (Vikarala_Viên Tác Dược Xoa hay Càn Nộ Đại Tướng) tức Tý Thần, thân màu vàng hoặc đỏ, cầm bánh xe báu hay đỉnh ba, Bản Địa là **Thích Ca Phật** (Śākyamuṇi-buddha), Chủng Tử là chữ BHA (𑖧)



2) **Chiêu Đồ La** (Catura_ Cháp Động Dược Xoa hay Hộ Thế Đại Tướng) tức Sứ Thần, thân màu xanh lam, cầm cái chày báu hay cây kiếm, Bản Địa là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva), Chủng Tử là chữ HŪM (𑖦)



3) **Chân Đạt La** (Siṅḍura_ Cháp Tướng Dược Xoa hay Chiết Thủy Đại Tướng) tức Dẫn Thần, thân màu vàng, cầm sợi dây hay phật trần và cây gậy báu, Bản Địa là **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva), Chủng Tử là chữ AM (𑖦)



4) **Ma Hổ La** (Makura_ Cháp Ngôn Dược Xoa hay Canh Phương Đại Tướng) tức Mão Thần, thân màu trắng, cầm cây Búa báu, Bản Địa là Đức **Dược Sư Phật** (Bhaiṣajya-guru-buddha), Chủng Tử là chữ BHAJ (𑖦)



5) **Ba Di La** (Pajra_ Cháp Âm Dược Xoa hay Lang Long Đại Tướng) tức Thìn Thần, thân màu hồng, cầm cung tên, Bản Địa là **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-bodhisatva), Chủng Tử là chữ A (𑖀)



6) **Nhân Đạt La** (Indra_ Cháp Lục Dược Xoa hay Đế Sứ Đại Tướng) tức Ty Thần, thân màu hồng, cầm cây Mâu hay cây thương, Bản Địa là **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha-bodhisatva), Chủng Tử là chữ HA (𑖐)



7) **San Đê La** (Śandira_ Cư Xử Dược Xoa hay La Sát Đại Tướng) tức Ngọ Thân, thân màu khói, cầm Loa ốc, Bản Địa là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva), Chủng Tử là chữ TRĀH (𑖦𑖅)



8) **Ngạch Nễ La** (Majira_ Chấp Phong Dược Xoa hay Chính Pháp Đại Tướng) tức Mùi Thân, thân màu hồng đỏ, cầm mũi tên hay đinh ba, Bản Địa là **Ma Lợi Chi Bồ Tát** (Marīcī-bodhisatva), Chủng Tử là chữ MA (𑖓)



9) **An Đê La** (Andira_ Cháp Tinh Dược Xoa hay Hộ Tỷ Đại Tướng) tức Thân Thân, thân màu xanh, cầm viên ngọc báu, chày vồ hay phát trần. Bản Địa là **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokiteśvara-bodhisatva), Chủng Tử là chữ SA (𑖰)



10) **Mê Xí La** (Mihira_ Cháp Nghiêm Dược Xoa hay Hộ Pháp Đại Tướng) tức Dậu Thân, thân màu vàng, cầm chiếc vòng hay cây gậy, Bản Địa là **A Di Đà Phật** (Amitāyus-buddha), Chủng Tử là chữ HRĪḤ (𑖦𑖯)



11) **Bạt Chiết La** (Vajra_ Kim Cương Dược Xoa hay Kim Cương Đại Tướng) tức Tuất Thân, thân màu trắng, cầm cây Kiếm báu, Bản Địa là **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva), Chủng Tử là chữ SA (𑖰)



12) **Cung Tỳ La** (Kumbhīra_ Cực Úy Dược Xoa hay Khả Úy Đại Tướng) tức Hợi Thân, thân màu vàng, cầm cái chày búa, Bản Địa là **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva), Chủng Tử là chữ YU (𑖩)



_Truyền thống theo **Nguyệt Tướng**, còn ghi nhận hình tượng của 12 Thần Tướng Dược Xoa theo cách khác là:

1_ **Cung Tỳ La** (Kumbhīra, hay Kumbira): **Thiên Không**, lại xưng là **Kim Tỳ La**, dịch ý là **cực úy** (rất đáng sợ), nghĩa ấy là **Kim Đầu** hoặc **Uy Như Vương**, do uy quang lóa sáng rực mà gọi tên. **Cung Tỳ La** nghĩa là **Giao Long**, do thân đầu là Rồng vàng mà gọi tên. Bản Địa của vị Đại Tướng này là **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Hợi



2 **Phật Chiết La (Vajra): Câu Trần.** Lại tác là Bạt Chiết la, Hòa Kỳ La, nghĩa ấy là Kim Cương. Do Tôn này cầm chày Kim Cương, khuôn mặt tươi cười đồng với dung mạo trường thọ mà gọi tên. Bản Địa của Đại Tướng này là **Đại Thế Chí Bồ Tát** (Mahā-sthāma-prāpta-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Tuất



3_ **Mê Khur La** (Mihira, hay Mekhala): **Châu Tước**. Lại tác là **Mê Xí La, Di Khú La**, dịch ý là **Chấp Nghiêm**. Bản Địa của Đại Tướng này là **A Di Đà Như Lai** (Amitābha-tathāgata), là vị Thần thủ hộ giờ Dậu.



4_ **An Nại La** (Andira, hay Antala): **Thái Thường**, lại tác là Ngạch Nễ La, An Đê La, An Đà La. Dịch ý là **Chấp Tinh**. Nghĩa ấy là **Phá Không Sơn**, hoặc **Năng Trì**, hoặc **Đa Văn**. Tôn này thường trụ ở **Thập Sơn** (Đa Sơn) thường nghe Phật Pháp, có danh tiếng rộng lớn mà được. Bản Địa của Đại Tướng này là **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalikiteśvara-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Thân



5_ **Ma Niết La** (Majira, hay Anila): **Thái Âm**. Lại tác là Ngạch Nhĩ La, Át Nễ La, Mạt Nhĩ La, Ma Ni La. Dịch ý là **Chấp Phong**, nghĩa ấy là **Trầm Hương, Mật Hương, Như Ý Châu**, hoặc **Ly Cấu Bảo**. Do Tôn này có ánh sáng thom tho trang nghiêm, thân trong sạch như châu báu mà gọi tên. Bản Địa của Đại Tướng này là **Ma Lợi Chi Thiên** (Marīcī-devī), là vị Thần thủ hộ giờ Mùi.



6_ **An Đát La** (Śandira, hay Sanila): **Huyền Vũ**. Lại tác là San Đẻ La, Sa Nễ La, Tố Lam La. Dịch ý là **Cư Xứ**, nghĩa ấy là **Loa Nữ**, **Thạch Nữ**, hoặc **Hoa Man**. Tôn này là Nữ Tướng, hiện thân của hình **Loa Nữ**, đầu đội vòng hoa, hình tóc như đá xoắn ốc (loa thạch) mà gọi tên. Bản Địa của Đại Tướng này là **Hư Không Tạng Bồ Tát** (Ākāśa-garbha-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Ngọ



7_ **Nhân Đà La** (Indra, hay Indala): **Đằng Xà**. Lại tác là Nhân Đạt La, dịch ý là **Chấp Lực**, nghĩa ấy là **Năng Thiên Chủ**, **Trì Sơn** hoặc **Địa Trì**. Tôn này ở trên Trời với nhân gian hay vì Thiên Đế hộ trì núi, đất mà gọi tên. Bản Địa của Đại Tướng này là **Địa Tạng Bồ Tát** (Kṣiti-garbha-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Ty



8_ **Ba Di La** (Pajra, hay vapila): **Thanh Long**. Lại tác là **Bà Gia La, Ba Di La**, dịch ý là **Chấp Âm**, nghĩa ấy là **Kinh Ngư** hoặc **Huyền Thuật**. Tôn này có thân hình dài lớn như con cá kình (cá voi), có đủ Đại Huyền Thuật mà gọi tên. Bản Địa của Đại Tướng này là **Văn Thù Bồ Tát** (Mañjuśrī-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Thìn



9_ **Ma Hô La** (Makura, hay Mahura): **Thiên Hậu**. Lại tác là **Ma Hổ La, Bạc Hô La**, dịch ý là **Chấp Ngôn**, nghĩa ấy là **Mãng Long Hành** hoặc **Phúc Hành**. Tên gọi riêng là **Ma Hô La**, nghĩa là **Đại Hỷ Lạc** hoặc **Chấp Nhật Hành**. Tôn này đồng với Rồng, mãng xà, chấp sự vui thích đùa giỡn của mặt trời (Chấp Nhật Hỷ Lạc) mà gọi tên. Bản Địa của Đại Tướng này là **Được Sur Như Lai** (Bhaiṣajya-guru-tathāgata), là vị Thần thủ hộ giờ Mão



10 **Chân Đạt La** (Siṅḍura, hay Cindala): **Bạch Hổ**. Lại tác là Chân Trì La, dịch ý là **Chấp Tướng**, nghĩa ấy là **Nhất Giác** hoặc **Nghi Thần**. Do cái đầu của Tôn này sinh ra một cái sừng, người nhìn thấy đều khởi nghi ngờ mà có tên gọi. Bản Địa của Đại Tướng này là **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Dần



11_ **Chiêu Độ La** (Catura, hay Caudhula): **Lục Hạp**. Lại tác là **Châu Đồ La**, **Chiêu Đồ La**, dịch ý là **Chấp Động**, nghĩa ấy là **Nghiêm Xí**, hoặc **Sát Giả**. Tên gọi riêng là **Chiếu Đầu La** nghĩa là **Nguyệt Quang** hoặc **Nguyệt Sắc**. Tôn này lúc uy nghiêm thời như người giết chóc (sát giả), lúc thanh hòa thời giống như một dạng màu sắc của mặt trăng mà có tên gọi. Bản Địa của Đại Tướng này là **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva), là vị Thần thủ hộ giờ Sửu



12_ **Tỳ Yết La** (Vikarala, hay Vikala): **Thiên Nhất**. Tỳ Yết La dịch ý là **Viên Tác** (tạo làm tròn trịa), nghĩa ấy là **Thiện Nghệ** (nghề khéo) hoặc **Tâm Tứ**. Lại tên gọi **Tỳ Ca La** có nghĩa là **Tự Bản** (gốc của chữ) hoặc **Thanh Giáo** (dạy bảo âm tiếng). Do Tôn này khéo rộng dài tìm nghề khéo, chuyên dạy bảo **Bán Mãn Tự** (nửa chữ, đủ chữ) mà có tên gọi. Bản Địa của Đại Tướng này là **Thích Ca Như Lai** (Śākya-muṇi-tathāgata), là vị Thần thủ hộ giờ Tý



1 **Cung Tỳ La Đại Tướng**: Ý là **Cục Úy**, tay phải cầm cây giáo, tay trái kết **Tam Cổ Ấn**, đứng trên đàn heo, là **Hợi Thân**



HỢI THÂN

2_ **Phật Chiết La Đại Tướng**: Ý là **Kim Cương**, tay phải cầm cây chia ba, tay trái cầm cây kiếm báu, đứng trên đàn chó, là **Tuất Thần**



TUẤT THẦN

3_ **Mê Xí La Đại Tướng**: Ý là **Chấp Nghiêm**, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm cây giáo, đứng trên đàn gà, là **Dậu Thần**



DẬU THẦN

4_ **An Đễ La Đại Tướng**: Ý là **Chấp Tinh**, tay trái cầm cây giáo, tay phải giương năm ngón tay, úp lòng bàn tay đê xuống bên dưới, đứng trên đàn khỉ, là **Thân Thần**



THÂN THÂN

5_ **Át Nễ La Đại Tướng**: Ý là **Chấp Phong**, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm cái giáo, đứng trên đàn dê, là **Mùi Thần**



MÙI THẦN

6_San Đê La Đại Tướng: Ý là Cư Xứ, tay phải cầm cái chày, tay trái ngựa hướng lòng bàn tay lên trên ngang vai trái, đứng trên đàn ngựa, là **Ngọ Thần**



7_Nhân Đạt La Đạt Tướng: Ý là Chấp Lực, tay phải cầm cán cây kiếm, tay trái kết Tam Cổ Ân úp đè xuống dưới ngang eo lưng, đứng trên đàn rắn, là Tỵ Thần



TỴ THẦN

8 **Ba Di La Đại Tướng**: Ý là **Chấp Âm**, tay phải giương năm ngón tay hướng
đề xuống dưới ngang eo lưng, tay trái cầm cây chia ba, đứng trên đàn **Rồng**, là **Thìn
Thần**



THÌN THẦN

9_Ma Hồ La Đại Tướng: Ý là **Chấp Ngôn**, tai trái giương năm ngón tay hướng về bên phải ở trước ngực, tay trái cầm cây kiếm, ngồi trên con thỏ, là **Mão Thân**



MÃO THÂN

10 **Chân Đạ La Đạ Tướng**: Ý là **Chấp Tướng**, tay phải nắm vạt áo ở vai trái, tay trái cầm cái chày Độc Cổ hướng mũi nhọn xuống bên dưới, đứng trên đàn cọp, là **Dần Thần**



DẦN THẦN

11_ **Chiêu Đồ La Đại Tướng**: Ý là **Động Thân**, tay phải cầm cây giáo, tay trái cầm cây kiếm báu, đứng trên đàn trâu, là **Sử Thần**



SỬ THẦN



TÝ THÂN

12_Tỳ Yết La Đại Tướng: Ý là Viên Tác, tay phải duỗi ngón giữa ngón trỏ úp lòng bàn tay xuống ngang eo lưng, tay trái cầm cây giáo, đứng trên đàn chuột, là Tý Thần



HỢI THÂN — KUMBHIRA



TUẤT THÂN — VAJRA



DẬU THÂN — MEHIRA



THÂN THÂN — ANDIRA

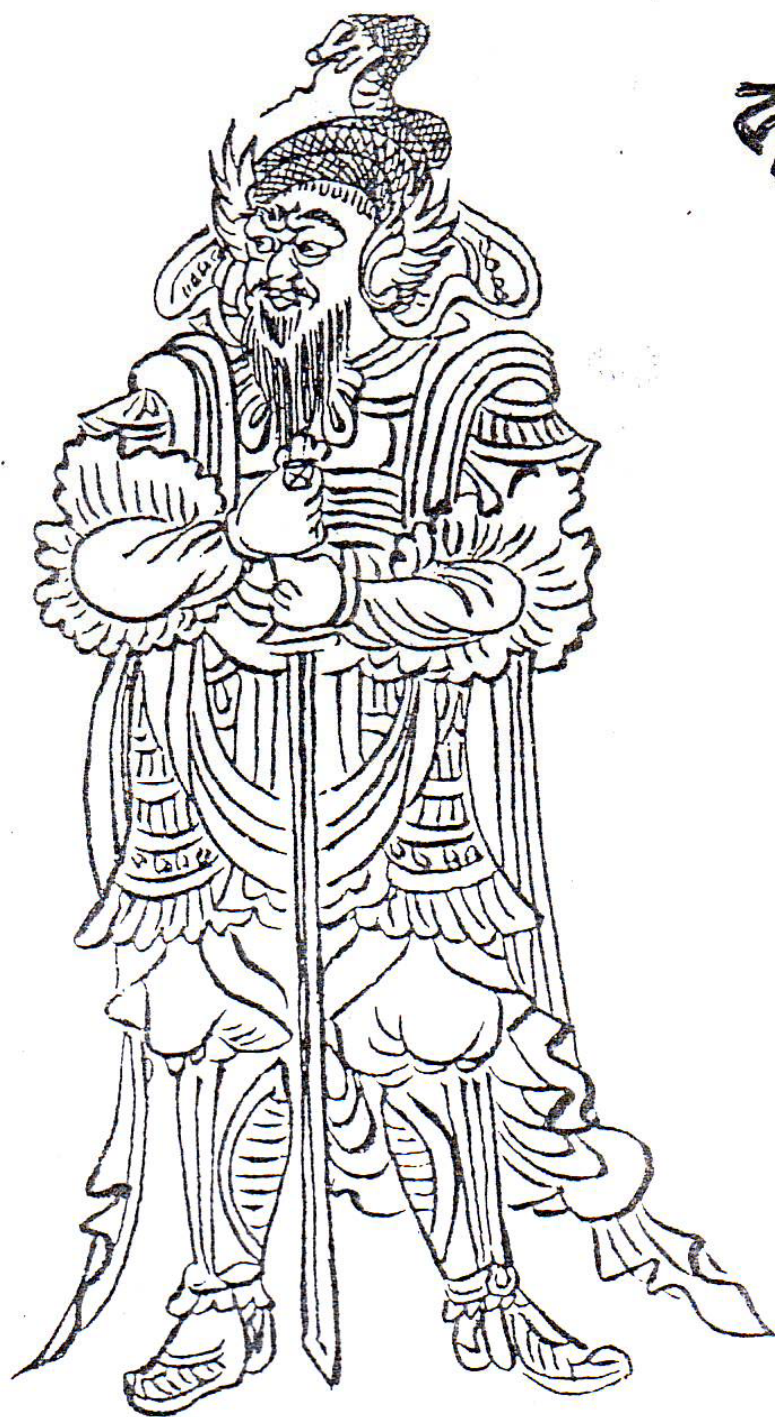


MÙI THÂN _ MAJIRA



ॐ

NGỌ THÂN — 'SANDIRA



52

TỶ THẦN — INDRA



THÌN THÂN _ PAJRA



MÃO THẦN — MAKURA

卅



DÂN THÂN - SINDURA



SŨU THÂN - CATURA



TÝ THẦN — VIKARALA

*) Cách thứ hai (Nguyệt Lệnh): khởi từ Dần thuận đến Tý (Nguyệt Lệnh) tức Cung Tỳ La là Dần Thần, Bạt Chiết La là Mão Thần..... Tỳ Yết La là Sửu Thần.

1_ Cung Tỳ La (Dần Thần)



2_ **Bạt Chiết La** (Mão Thần)



3_ Mê Xí La (Thần Thần)



4_ An Đê La (Ty Thần)



5_ Áng Nễ La (Ngọ Thần)



6_ San Đễ La (Mùi Thần)



7_ Nhân Đạ La (Thân Thần)



8_ Ba Di La (Dậu Thần)



9_ Ma Hổ La (Tuất Thần)



10_ **Chân Đạt La** (Hội Thần)



11_ Chiêu Đồ La (Tý Thần)



12_ Tỳ Yết La (Sứ Thần)



Tôn Tượng 12 vị Thần Tướng Dực Xoa còn được minh hoạ như sau:
1_ Dàn Thân



2_ Mão Thân



3_Thìn Thần



4_Ty Thần



5_Ngo Thần



6_Mùi Thần



7_ Thân Thần



8_ Dậu Thần



9_Tuất Thân



10_Hợi Thân



11_Tý Thần



12_Sửu Thần



*) Cách thứ ba: khởi từ Tý thuận đến Hợi tức Cung Tỳ La là Tý Thần, Bạt Chiết La là Sửu Thần..... Tỳ Yết La là Hợi Thần.

1) Tý Thần: Cung Tỳ La Đại Tướng



子宮毘羅大將 (くびら) 太刀を持つ十二神将。
子神 第十二願 美衣満足 満足する衣類を得て健全な精神を宿らせる 天徳院
宮毘羅大將は一般には金比羅さま(こんびら)、金比羅大権現で知られています。



2_ Sửu Thần: Bạt Chiết La Đại Tướng



伐折羅大將 (ばさら) 宝剣を持つ十二神将。
丑神 第十一願 飲食安楽 食事に関する苦悩を除き健全な食を与える 常喜院



3_ Dân Thần: Mê Xí La Đại Tướng



迷企羅大將 (めきら) 独鈷を持つ十二神將。
寅神 第十願 苦惱解脱 人々の苦惱や災難をことごとく消滅させる 浄菩提院



4_ Mão Thần: An Đẻ La Đại Tướng



底羅大將 (あんてら) 太刀を持つ十二神將。
卯神 第九願 安立正見 心中の邪悪な感情を除き健全な精神を得る 高野山大師協会本部



5_ Thần Thần: Ân Nễ La Đại Tướng

額爾羅大将 (あいら) 矢を持つ十二神将。
辰神 第八願 転女得仏 女性的な優しさだけでなく力と勇気を得る 釈迦文院



6_ Ty Thần: San Đê La Đại Tướng (Nguyện thứ bảy)

珊底羅大将 (さんてら) 法螺貝を持つ十二神将。
巳神 第七願 除病安楽 人々の病気を完治し、心身に安楽を与える 成就院



7_Ngo Thần: Nhân Đạt La Đại Tướng



因達羅大將



因達羅大將 (いんだら) 鉾を持つ十二神將。
 午神 第六願 諸根具足 迷いを生ずる原因を
 ことごとく消滅させる 増福院

8_Mùi Thần: Bà Di La Đại Tướng



婆夷羅大將

波夷羅大將 (はいら) 弓矢を持つ十二神將。
 未神 第五願 具戒清淨 人々の日々精進させ
 るとともに善行を促す 遍照尊院



9_Thân Thần: Ma Hồ La Đại Tướng



摩虎羅大將

摩虎羅大將（まこら）斧を持つ十二神將。
 申神 第四願 安立大乘人々の悟りを確立
 させ、永遠のものにする 宝龜院



10_Dậu Thân: Chân Đà La Đại Tướng



真達羅大將

真達羅大將（しんだら）斧を持つ十二神將。
 酉神 第三願 施無尽仏 人々の願いを叶え、
 満ち足りた環境に導く 桜池院



11_Tuất Thần: Chiêu Đồ La Đại Tướng



招杜羅大將 (しょうとら) 太刀を持つ十二神符。
戌神 第二願 随意成弁威徳と人徳により人々を
悟りの境地に導く 報恩院



12_Hợi Thần: Tỳ Yết La Đại Tướng

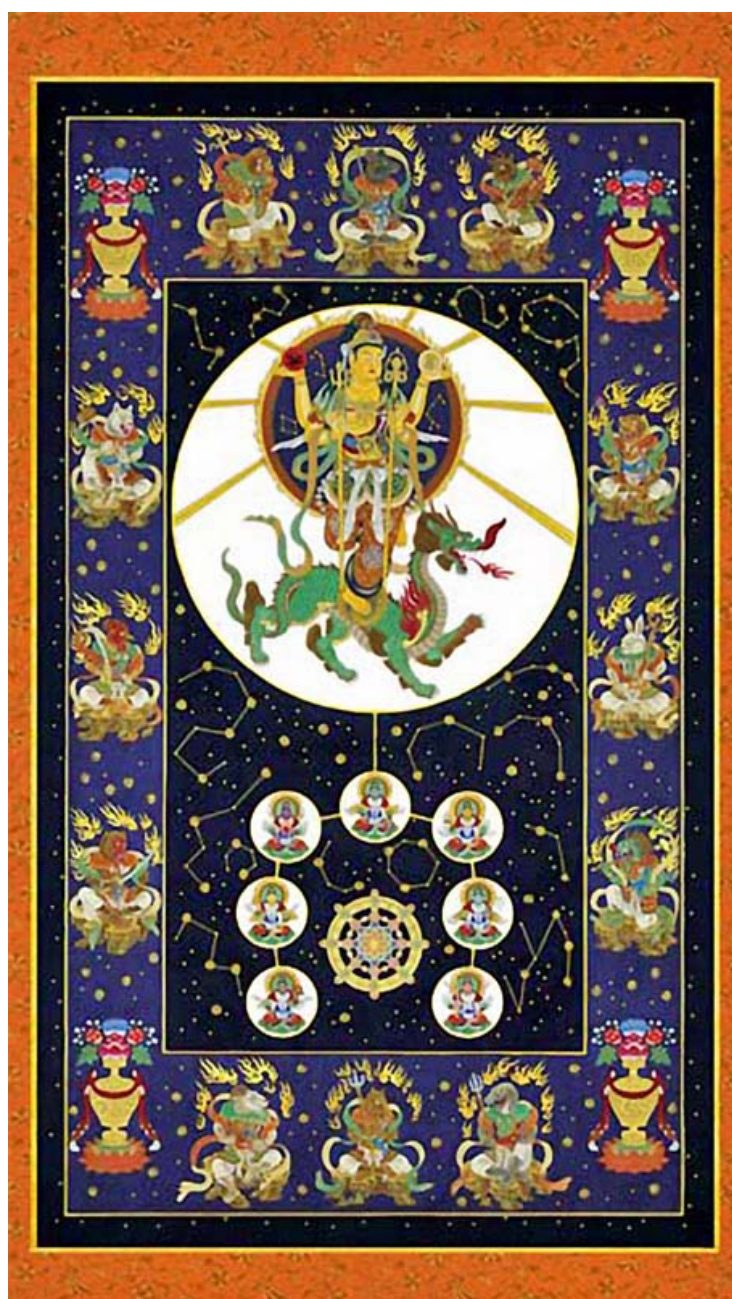


毘羯羅大將

毘羯羅大將 (びから) 三鈷を持つ十二神符。
亥神 第一願 光明普照 自身から発する光明
で世界を普く照らす 西南院



Trong cách thứ ba này, khi 12 vị Đại Tướng Dược Xoa hiện thân **Phi Nhân** (Amaṇṣya) với thân người đầu thú... thì các Ngài đại biểu cho 12 vị Thần **Lục Đinh Lục Giáp** và được xưng gọi là: **Giáp Dần Tướng Quân, Đinh Mão Tòng Thần, Giáp Thìn Tướng Quân, Đinh Tỵ Tướng Quân, Giáp Ngọ Tướng Quân, Đinh Mùi Tòng Thần, Giáp Thân Tướng Quân, Đinh Dậu Tướng Quân, Giáp Tuất Tướng Quân, Đinh Hợi Tòng Thần, Giáp Tý Tướng Quân, Đinh Sửu Tòng Thần**... Trong đó: Đinh Mão, Đinh Tỵ, Đinh Mùi, Đinh Dậu, Đinh Hợi, Đinh Sửu biểu thị cho 6 vị **Âm Thần** còn Giáp Dần, Giáp Thìn, Giáp Ngọ, Giáp Thân, Giáp Tuất, Giáp Tý biểu thị cho 6 vị **Dương Thần**. Hình tượng của các vị này thường được thấy trong các Man Đa La như Man Đa La của **Diệu Kiến Bồ Tát** (Su-darsana, hay Su-dṛ ṣṭa) để thực hành **Nhương Tinh Pháp Hội**





Đạo Giáo Trung Quốc ghi nhận **Lục Đinh Lục Giáp Hộ Thân Thần Chú** là:
“Đinh Sửu diên ngã thọ, **Đinh Hợi** câu ngã hồn, **Đinh Dậu** chế ngã phách, **Đinh Mùi** khước ngã tai, **Đinh Tỵ** độ ngã nguy, **Đinh Mão** độ ngã ách
Giáp Tý hộ ngã thân, **Giáp Tuất** bảo ngã hình, **Giáp Thân** cố ngã mệnh, **Giáp Ngọ** thủ ngã hồn, **Giáp Thìn** trấn ngã linh, **Giáp Dần** dục ngã chân”

〈삼장 1〉 삼장행적



그림은 〈三藏의 神作〉 권중기에서 인용. 이 그림은 12지간이 명신(明神)에 배치되어 각 방위의 방갈구역을 밝혀주고 있는 모습을 보여주고 있다



六甲・六丁神圖(三才圖會)

Giáp Dần Tướng Quân



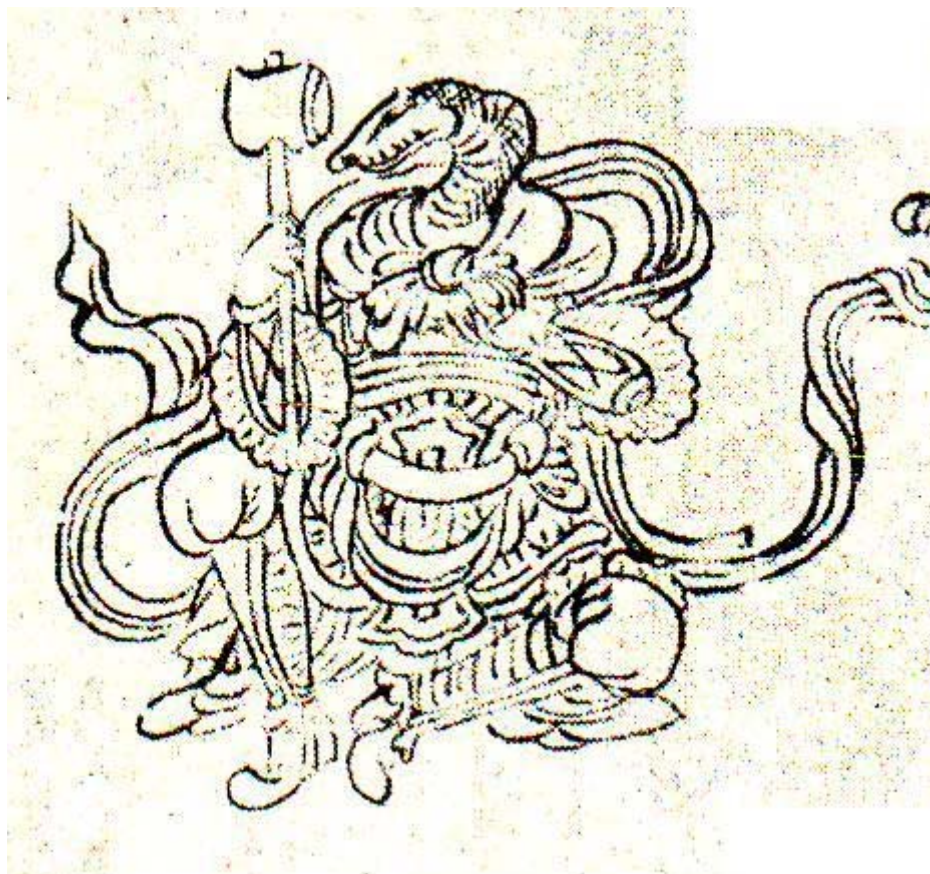
Đinh Mão Tòng Thần



Giáp Thìn Tướng Quân



Đinh Tỵ Tướng Quân



Giáp Ngọ Tướng Quân



Đinh Mùi Tòng Thần



Giáp Thân Tướng Quân



Đinh Dậu Tướng Quân



Giáp Tuất Tướng Quân



Đình Hợi Tòng Thần



Giáp Tý Tướng Quân



Đinh Sửu Tòng Thần



Thân Bản Địa (tức **Bản Địa Thân**) của 12 Đại Tướng Dược Xoa:

Từ **Bản Tích Nhị Môn** của Kinh Pháp Hoa cùng với **Bản Địa Gia Trì** của Kinh Đại Nhật đã hình thành tư tưởng “**Bản Thể của Phật, Bồ Tát hiện bày mọi loại Thân để tế độ chúng sinh**” ... như **Phẩm Thọ Lượng** của Kinh Pháp Hoa, **Thai Tạng Giới Tứ Trưng Mạn Trà La** của Kinh Đại Nhật đã nói tức hiện đủ tư tưởng này. Trong ba Thân của Phật thì **Pháp Thân** (Dharma-kāya), **Báo Thân** (Sambhoga-kāya) là **Bản Địa**, còn **Hóa Thân** (Nirmāṇa-kāya) là **Thùy Tích**. Dùng **Thùy** để nói thì chư Thiên, chư Thần của Ấn Độ cổ đại được nhiếp trong **Ngoại Kim Cương Viện** tại lớp thứ tư ở **Thai Tạng Giới** (Garbha-dhātu) của Kinh Đại Nhật đều là **Thùy Tích** của **Đại Nhật Như Lai** (Vairocana-tathāgata)

Phật Giáo Nhật Bản đặc biệt đem tư tưởng “**Bản Địa Thùy Tích**” này dung hợp tín ngưỡng **Thần Đạo** vốn có từ xưa của mình với tín ngưỡng tôn phụng chư Phật, Bồ Tát của Phật Giáo... trong đó Phật, Bồ Tát là **Bản Địa Phật**, chư Thần của **Thần Đạo** Nhật Bản là **Thùy Tích Phật**. Đây tức là giềng mối tư tưởng “**Thần Phật Tập Hợp**” của Phật Giáo Nhật Bản. Như **Thiên Đài Tông**, **Chân Ngôn Tông** đều dùng **Phật** làm **Bản**, dùng **Thần** làm **Tích**, mỗi một vị Thần đều được phối trí với một Phật, Bồ Tát và vị **Thần Kỳ** ấy đều là **Thùy Tích** của Phật, Bồ Tát.

Do đó, 12 vị Dược Xoa Đại Tướng là các vị Hộ Pháp trọng yếu ắt phải có **Bản Địa Thân** tương ứng để đối ứng.

.)**Đại Chính Tạng**, tập 76 ghi nhận **Dược Sư Pháp** trong **Khê Lam Thập Diệp Tập** do vị Tăng Nhật Bản **Quảng Tôn** biên soạn, có nêu bày Thân Bản Địa của 12 vị Thần Tướng là: Cung Côn La Đại Tướng (Thích Ca), Phật Chiết La Đại Tướng (Đà La Ni Bồ Tát), Mê Xí La Đại Tướng (Phổ Hiền Bồ Tát), Ngạch Nễ La Đại Tướng (Văn Thù Bồ Tát), San Đê La Đại Tướng (Địa Tạng Bồ Tát), Nhân Đạt La Đại Tướng (Chiên Đàn Hương Phật), Ba Di La Đại Tướng (Ma Lợi Chi Thiên), Ma Hồ La Đại Tướng (Đại Thế Chí Bồ Tát), Chân Đạt La Đại Tướng (Địa Tạng Bồ Tát), Chiêu Đồ Đại Tướng (Quán Thế Âm Bồ Tát), Tỳ Yết La Đại Tướng (Di Lặc Bồ Tát)

.)Nhật Bản Điện Tích “**Bạc Song Chỉ** (Biển Tri Viện Ngự Ký) **Khẩu Quyết Đệ Nhất: Như Lai Bộ**, tiếp đến **Dược Sư** “ ghi chép việc của nhóm Chủng Tử và Bản Địa của 12 vị Thần Tướng Dạ Xoa, **Thập Quyền Sao Thường Hỷ Viện**:

Kim Tỳ La (là **Chinh Minh** tức Hối Thần, Di Lặc Bồ Tát), chữ chủng tử là: 𑖀(GI)

Hòa Kỳ La (là **A My** tức Tuất Thần, Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát), chữ chủng tử là: 𑖀(SA)

Xung Kha La (là **Tùng My** tức Dậu Thần, A Di Đà), chữ chủng tử là: 𑖀(HRĪH)

An Đà La (là **Truyền Tông** tức Thân Thần, Quán Âm Bồ Tát), chữ chủng tử là: (CA)

Ma Ni La (là **Tiểu Cát** tức Mùi Thần, Ma Lợi Chi Thiên), chữ chủng tử là: 𑖀(MA)

Sách Giám La (là **Thắng Quang** tức Ngộ Thần, Hư Không Tạng Bồ Tát), chữ chủng tử là: 𑖀(TRAM)

Nhân Trì La (là **Thập Nhị Thần** tức Tỵ Thần, Địa Tạng Bồ Tát), chữ chủng tử là: 𑖀(HA)

Bà Gia La (là **Thiên Cương** tức Thìn Thần, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát), chữ chủng tử là: 𑖀(MA)

Ma Hưu La (là **Đại Xung** tức Mão Thần, Dược Sư Như Lai), chữ chủng tử là: 𑖀(RA)

Chân Đà La (là **Công Tào** tức Dân Thần, Phổ Hiền Bồ Tát), chữ chung tử là: 𠄎(A)

Chiêu Đầu La (là **Đại Cát** tức Sứ Thần, Kim Cương Thủ Bồ Tát), chữ chung tử là: 𠄎(HUM)

Tỳ Khư La (là **Thần Hậu** tức Tý Thần, Thích Ca Như Lai), chữ chung tử là: 𠄎(TĀ)

_Ngoài ra, lại có thuyết khác, như trong **Dược Sư Kinh Pháp Nghiên Cứu** của **Ngô Tín Như** ghi nhận: Thân Bản Địa của **Cung Tỳ La Đại Tướng** là A Di Đà Như Lai, Thân Bản Địa của **Phật Chiết La Đại Tướng** là Quán Âm Bồ Tát, Thân Bản Địa của **Mê Xí La Đại Tướng** là Như Ý Luân Bồ Tát, Thân Bản Địa của **An Đễ La Đại Tướng** là Hư Không Tạng Bồ Tát, Thân Bản Địa của **An Nễ La Đại Tướng** là Địa Tạng Bồ Tát, Thân Bản Địa của **San Đễ La Đại Tướng** là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Thân Bản Địa của **Nhân Đạt La Đại Tướng** là Đại Uy Đức Minh Vương, Thân Bản Địa của **Ba Di La Đại Tướng** là Phổ Hiền Bồ Tát, Thân Bản Địa của **Ma Hổ La Đại Tướng** là Đại Nhật Như Lai, Thân Bản Địa của **Chân Đạt La Đại Tướng** là Thích Nghinh Như Lai, Thân Bản Địa của **Chiêu Đổ La Đại Tướng** là Di Lặc Bồ Tát, Thân Bản Địa của **Tỳ Yết La Đại Tướng** là Đại Thế Chí Bồ Tát.

_Hán Truyền Phật Giáo ghi nhận Bản Tôn duyên với năm sinh trong **Xuất Sinh Niên Tuyền Trạch** là:

Năm Tý thuộc về con chuột, nếu sinh vào năm này thì có thể tuyền chọn **Thiên Thủ Thiên Nhân**, cũng là **Quán Thế Âm Bồ Tát** làm Bản Tôn tu tập.

Năm Sửu thuộc con trâu, **Hư Không Tạng Bồ Tát**

Năm Dần thuộc con cọp, **Hư Không Tạng Bồ Tát**

Năm Mão thuộc con thỏ, **Văn Thù Bồ Tát**

Năm Thìn thuộc con Rồng, **Phổ Hiền Bồ Tát**

Năm Tỵ thuộc con rắn, **Phổ Hiền Bồ Tát**

Năm Ngọ thuộc con ngựa, **Đại Thế Chí Bồ Tát**

Năm Mùi thuộc con dê, **Đại Nhật Như Lai** (tu Đại Nhật Như Lai của Mật Pháp)

Năm Thân thuộc con khỉ, **Đại Nhật Như Lai**

Năm Dậu thuộc con gà, **Bất Động Minh Vương**

Năm Tuất thuộc con chó, **A Di Đà Phật**

Năm Hợi thuộc con heo, **A Di Đà Phật**

_Tùy theo sự truyền thừa mà chữ chung tử của 12 Thần Tướng Dược Xoa được ghi nhận khác nhau

.)**Đồ Tượng 3, trang 37** ghi nhận chữ chung tử của 12 Thần Tướng Dược Xoa là: Tý (𠄎:HŪM), Hợi (𠄎:A), Tuất (𠄎:RAM), Dậu (𠄎:MAM), Thân (𠄎:HA), Mùi (𠄎:TRAM), Ngọ (𠄎:MA), Tỵ (𠄎:CA), Thìn (𠄎:HRĪH), Mão (𠄎:SAM), Dần (𠄎:GI), Sửu (𠄎:HĀ)

.) **Đồ Tượng 7, trang 481_482** ghi nhận là:

1_ **Cung Tỳ La**: Chủng tử là KU (𑀓), hoặc SA (𑀆), hoặc GI (𑀛) [Di Lạc Bồ Tát, Hối Thân]

2_ **Phạt Chiết La**: Chủng tử là: VA (𑀅), hoặc PA (𑀃), hoặc SA (𑀆) [Đại Thế Chí, Tuất Thân]

3_ **Mê Xí La**: Chủng tử là MA (𑀓), hoặc HRĪH (𑀇𑀢) [A Di Đà, Dâu Thân]

4_ **An Nễ La**: Chủng tử là: A (𑀅), hoặc CA (𑀃) [Quán Âm, Thân Thân]

5_ **Áng Nễ La**: Chủng Tử là: MĀ (𑀓), hoặc MA (𑀓) [Ma Lợi Chi, Mùi Thân], hoặc nói là **Ma Ni La**, chủng tử TRAM (𑀅𑀢) [Hư Không Tạng, Ngọ Thân]

6_ **San Đễ La**: Chủng tử là: KA (𑀓), hoặc TRAM (𑀅𑀢) [Hư Không Tạng, Ngọ Thân], Hoặc nói là **Sách Lam La**, chủng tử HA (𑀇) [Địa Tạng, Tỳ Thân]

7_ **Nhân Đạt La**: Chủng tử là I (𑀢), hoặc HA (𑀇) [Địa Tạng, Tỳ Thân], hoặc nói là **Nhân Đà La**, chủng tử RA (𑀢) [Dược Sư, Mão Thân]

8_ **Bạt Y La**: Chủng Tử là: PA (𑀃), hoặc MA (𑀓) [Văn Thù, Thìn Thân]

9_ **Ma Hồ La**: Chủng tử là: MU (𑀓), hoặc nói là Dược Sư, Mão Thân

10_ **Chân Đạt La**: Chủng tử là: CA (𑀃), hoặc A (𑀅) [Phổ Hiền Bồ Tát, Dàn Thân]. Hoặc nói là **Chân Trì La**, chủng tử HUM (𑀇𑀢) [Kim Cương Thủ, Mão Thân]

11_ **Chiêu Đồ La**: Chủng tử là: MAU (𑀓𑀢), hoặc nói là **Chiêu Đầu La**, chủng tử HUM (𑀇𑀢) [Kim Cương Thủ, Sửu Thân], hoặc nói là **TĀ** (𑀅) [Thích Ca, Tý Thân]

12_ **Tỳ Yết La**: Chủng tử là: VI (𑀅), hoặc GI (𑀛). Hoặc nói là **Tỳ Yết La** (Di Lạc Bồ Tát, Hối Thân). Hoặc nói là **Tỳ Yết La**, Tý Thân, chủng tử TA (𑀅), Thích Ca

藥師十二神將種子字



1_ **Tỳ Yết La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀇𑀢 (HŪM)

2_ **Chiêu Đồ La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀇 (HĀ)

3_ **Chân Đạt La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀛 (GI)

4_ **Ma Hồ La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀆 (SA)

5_ **Ba Di La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀇𑀢 (HRAH)

6_ **Nhân Đạt La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀃 (CA)

7_ **San Đễ La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀓 (MA)

8_ **Ba Di La (?Ngạch Nễ La) Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀅𑀢 (TRAM)

9_ **An Đễ La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀇 (HA)

10_ **Mê Xí La Đại Tướng**: có chữ chủng tử là: 𑀓 (MAM)

11_Phạt Chiết La Đại Tướng: có chữ chủng tử là: 𑖇 (RAM)

12_Cung Tỳ La Đại Tướng: có chữ chủng tử là: 𑖇 (A)



官毗罗大将 伐折罗大将 迷企罗大将 安底罗大将 安你罗大将 珊底罗大将



因达罗大将 波夷罗大将 摩虎罗大将 真达罗大将 招杜罗大将 毗羯罗大将

1_Cung Tỳ La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (YU)

2_Phạt Chiết La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (SAH)

3_Mê Xí La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (HRĪH)

4_An Đề La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (SA)

5_An Nễ La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (MA)

6_Ma Đề La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (TRĀH)

7_Nhân Đạt La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (HA)

8_Ba Di La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (A)

9_Ma Hồ La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (BHAI)

10_Chân Đạt La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (AM)

11_Chiêu Đồ La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (HŪM)

12_Tỳ Yết La Đại Tướng có chữ chủng tử là: 𑖇 (BHAH)

.) **Đồ Tượng quyển 4, trang 435** ghi nhận là:

1_ GI (𑖇) [hoặc GÌ (𑖇)] **Kim Tỳ La** là **Vi Minh**, tức **Hợi Thần**, Di Lặc Bồ Tát

2_ SA (𑖇) **Hòa Kỳ La** là **Hà My**, tức **Tuất Thần**, Đắc Đại Thế Bồ Tát

3_ HRĪH (𑖇) **Nễ Khứ La** là **Tòng My**, tức **Đậu Thần**, A Di Đà Phật

4_ CA (𑖇) **An Đà La** là **Truyền Tống**, tức **Thân Thần**, Quán Thế Âm Bồ Tát

5_ MA (𑖇) **Ma Ni La** là **Tiểu Cát**, tức **Mùi Thần**, Ma Lợi Chi Thiên

6_ TRAM (𑖇) [hoặc TRĀM (𑖇)] **Tống Lam La** là **Thắng Quang**, tức **Ngọ Thần**, Hư Không Tạng Bồ Tát

7_ HA (𑖇) **Nhân Đạt La** là **Thái Nhất**, tức **Tỳ Thần**, Địa Tạng Bồ Tát

8_ MA (𑖇) **Bà Gia La** là **Thiên Cương**, tức **Thìn Thần**, Văn Thù Sư Lợi

9_ RA (𑖇) **Ma Hưu La** là **Đại Vệ**, tức **Mão Thần**, Dược Sư Như Lai

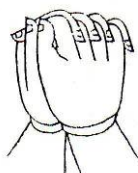
10_ A (𑖇) **Chân Đà La** là **Công Tào**, tức **Dần Thần**, Phổ Hiền Bồ Tát

11_ HUM (𑖇) [hoặc HŪM (𑖇)] **Chiêu Đồ La** là **Đại Cát**, tức **Sửu Thần**, Kim Cương Thủ Bồ Tát

12_ TĀ (𑖇) **Tỳ Khứ La** là **Thần Hậu**, tức **Tý Thần**, Thích Ca Như Lai

Thủ Ấn của 12 vị Đại Tướng Dược Xoa:

1_ **Nhất Thiết Dược Xoa Pháp Ấn Chú:** đem 4 ngón của tay phải hướng ra ngoài câu móc 4 ngón của tay trái. Dựng thẳng cứng 2 ngón cái rồi đưa qua lại.



Thần Chú của Thủ Ấn này là **Thập Nhị Thần Tướng Nhiêu Ích Hữu Tình Kết Nguyệt Thần Chú**. Hoặc có thể đọc tắt là: “OM KUVERA SVĀHĀ”, hoặc: “OM KUMBHĪRA VAJRA SVĀHĀ”, hoặc: “OM KUMBHĪRA SVĀHĀ”.

Pháp Ấn Chú này, nếu lúc làm Pháp Đàn của Đại Bộ thì tác Ấn Chú này kêu gọi chư vị vào Đàn nhận cúng dường, ắt tất cả đều vui vẻ.

2_Thập Nhị Dược Xoa Bản Ấn:

Hai tay tác Nội Phộc, hợp dựng **Địa** (ngón út), **Thủy** (ngón vô danh)

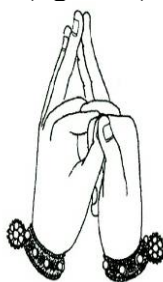


图1 十二药叉本印

Thần Chú của Thủ Ấn này là **Thập Nhị Thần Tướng Nhiêu Ích Hữu Tình Kết Nguyệt Thần Chú**.

十二神將饒益有情結願神咒

ॐ नमो रा त्ना त्रायया

namo ra tna trayāya

南無囉怛那哆囉夜耶

拿摩唎的拿的唎呀

ॐ नमो कुम्भिरा वज्र मेखला अन्ताला अनिला सन्धिरा

namo kumbira vajra mekhala antala anila sanila

南無金毘羅和耆囉彌佉羅安陀羅摩尼羅素藍羅

拿摩枯毗唎臥匿唎美卡唎安底唎嗎底唎珊底唎

ॐ इन्दला वपिला महुरा चिन्दला कौडुला विकारा

indala vapila mahura cindala caudhula vikara

因達羅婆耶羅摩休羅真特羅照頭羅毘伽羅

因達唎巴牙唎嗎虎唎親達唎收杜唎毗卡唎

ॐ नमो भगवते भैशज्यागुरु वैदुर्या प्रभा राजया

namo bhagavate bhaisajyaguru vaidūrya prabhā rājāya

南無薄伽伐帝鞞殺社嚩嚩薛琉璃鉢唎婆喝囉闍也

拿摩拔嚩乏得排晒及牙骨魯懷都里牙玻唎拔唎加牙

ॐ तथगतया अरहा ते सम्यक्सम्बोधायतद्यथा ॐ

tathāgatāya a rha te samyakṣambodhāyatadythā om

怛他揭多耶阿囉喝帝三藐三勃陀耶怛姪他唵

打他嚩打牙而哈得三彌牙割三菩達牙打笛牙他喻

ॐ भैशज्ये भैशज्ये भैशज्यासमुदगते स्वहा

bhaisajye bhaisajye bhaisajyasamudgate svā hā

鞞殺逝鞞殺逝鞞殺社三沒揭帝娑訶

排晒及也排晒及也排晒及牙三母的嚩得司乏哈

_ Thập nhị Dược Xoa Đại Tướng kết nguyện Thần Chú

नमो रत्नत्रयै
 नमो कुम्भीरै वज्रै मेहिरै मज्जरै सन्दिरै
 इन्द्रै पञ्चै मङ्कुरै
 (सङ्गु रै वजुरै अकरैरै
 नमो भगवते शिष्ये गुरु वैश्वरूपे
 तद्यथा उ शिष्ये शिष्ये शिष्ये समुद्रगे
 नमो
 NAMO RATNA-TRAYĀYA
 NAMO KUMBHĪRA VAJRA MEHIRA ANDIRA MAJIRA ŚANDIRA
 INDRA PAJRA MAKURA SINDURA CATURA VIKARALA
 NAMO BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHĀ RĀJĀYA
 TADYATHĀ BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYE BHAIṢAIJYA SAMUDGATE
 SVĀHĀ

_ Ý nghĩa của Thần Chú này là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)
 NAMO (Quy mệnh)
 KUMBHĪRA (Hội Thần)
 VAJRA (Tuất Thần)
 MEHIRA (Dậu Thần)
 ANDIRA (Thân Thần)
 MAJIRA (Mùi Thần)
 ŚANDIRA (Ngộ Thần)
 INDRA (Ty Thần)
 PAJRA (Thìn Thần)
 MAKURA (Mão Thần)
 SINDURA (Dần Thần)
 CATURA (Sửu Thần)
 VIKARALA (Tý Thần)
 NAMO BHAIṢAIJYA GURU VAIDŪRYA PRABHĀ RĀJĀYA (Quy mệnh
 Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương)
 TADYATHĀ (Liên nói Chú là)
 BHAIṢAIJYE (Thuốc trị Nghiệp Tật)
 BHAIṢAIJYE (Thuốc trị Quỷ Tật)
 BHAIṢAIJYA (Thuốc trị bệnh 4 Đại)
 SAMUDGATE (Phát sinh thắng thượng tự cứu mình cứu người)
 SVĀHĀ (Quyết định thành tựu)

Nếu có thọ trì Chú này thì hay diệt tất cả tội nặng sinh tử quá khứ trong thân, lại chẳng bị trải qua ba đường ác, lia hẳn chín tai vạ đột ngột, siêu việt mọi khổ, mười phương Thế Giới tùy theo nơi chốn đều được an vui, tự tại vô ngại, có các Nguyện Cầu đều khiến cho đầy đủ

3_Thập Nhị Dược Xoa Dụng Ấn:

Chắp hai tay lại, co lòng giữa của hai ngón trở cùng dựa vào nhau, đặt hai ngón cái nằm ngang tiếp chạm đầu ngón, dựng hai hai ngón trở, hai ngón vô danh, giương mở hai ngón út đều hướng về hai bên trái phải

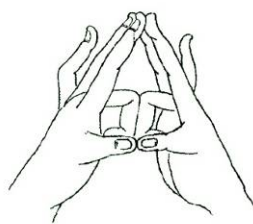


图2 十二药叉用印

Sau khi kết Ấn xong, đều ấn một lần theo thứ tự: phía trước, phía sau, bên trái, bên phải, bốn góc với phương bên trên, phương bên dưới

Thần Chú của Thủ Ấn này là **Thập Nhị Thần Tướng Nhiêu Ích Hữu Tình Kết Nguyệt Thần Chú**.

Thập Nhị Thần Tướng Dược Xoa Pháp:

12 vị Dược Xoa Đại Tướng là 12 vị Đại tướng ở trước tòa ngời của Đức Dược Sư Như Lai, quản lý sự mạnh khỏe (kiện khang), đẩy lùi bệnh tật, thoát lia nạn khổ, tiêu tai diên thọ

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện gặp phải nhiều chướng ngại, bị tất cả bệnh tật. Sản phụ bị tai ách lúc sinh sản... nguyện cầu mong chuyển họa thành phúc và ngăn trừ bệnh nạn khó trị do Quỷ Thần gây ra. Hãy dùng chỉ Ngũ Sắc bện thành sợi dây rồi gia trì **Thập Nhị Thần Tướng Nhiêu Ích Hữu Tình Kết Nguyệt Thần Chú** vào, xong buộc lên cổ tay, cổ chân, eo bụng... của bệnh nhân. Nhưng vẫn nên thỉnh 7 vị Tăng, xây dựng Đạo Trường, làm Tượng Bản Tôn, viết Kinh Dược Sư, hành đạo 6 thời, tạo 7 tầng đèn, phương Ngũ Sắc dài 49 xích. Mỗi ngày chuyển Kinh 49 lần, phóng sinh 49 mạng chim cá (Sinh vật sống dưới nước với loài sống trên bờ) ân cần cúng dường hoa quả trái theo từng mùa. Chú lên dây Ngũ Sắc và phát nguyện. Lại dùng Ấn Chú gia trì lên dây đủ 49 biến Chú thì kết 49 gút (1 biến Chú kết 1 gút) để làm dây đeo thì bệnh nạn ắt khỏi.

.)Chỉ ngũ sắc kết thành sợi dây:

Chỉ ngũ sắc có năm màu là **xanh, vàng, đỏ, trắng, đen** bện thành sợi dây tức là kết gút **tên gọi của 12 vị Dược Xoa Đại Tướng**. Cách kết gút này có hai Pháp:

- 1 _Dùng chỉ ngũ sắc kết bện từng tên gọi của 12 vị Dược Xoa Đại Tướng
- 2 _Xung niệm tên gọi của một vị Dược Xoa Đại Tướng rồi dùng chỉ ngũ sắc kết làm một gút, như vậy thứ tự xung niệm 12 vị Dược Xoa Đại Tướng thì kết thành 12 gút.

Trong thực tế, tên gọi của một Tôn, nếu gia thêm chữ **OM** ở phía trước và hai chữ **SVĀHĀ** ở phía sau thì thành Chú Ngũ. Đây được gọi là **Thần Chú Tên**

Như vậy **Thần Chú Tên** của 12 vị Dược Xoa Đại Tướng là:

OM KUMBHĪRA SVĀHĀ
 OM VAJRA SVĀHĀ
 OM MEHIRA SVĀHĀ
 OM ANDIRA SVĀHĀ
 OM MAJIRA SVĀHĀ
 OM ŚANDIRA SVĀHĀ
 OM INDRA SVĀHĀ
 OM PAJRA SVĀHĀ
 OM MAKURA SVĀHĀ
 OM SINDURA SVĀHĀ

OM CATURA SVĀHĀ
OM VIKARALA SVĀHĀ

Dùng 12 Thần Chú Tên này để kết làm sợi dây Thần Chú có 12 gút

Theo ý nghĩa sâu xa hơn: 12 vị Thần Tướng Dược Xoa là thân hóa hiện của chư Phật Bồ Tát, nhận trọng trách thực hành **Phật Nguyện** và hộ trì chúng sinh. Mỗi vị Thần Tướng đều thống lãnh bảy ngàn Dược Xoa quyền thuộc, tổng cộng thành tám vạn bốn ngàn Dược Xoa.

Xưa nay **Dược Xoa** (Yakṣa) vốn là loài quỷ hay ăn nuốt (năng đạm quỷ), là loài quỷ ác chuyên rình rập hại người, nhìn chung đều thuộc về đường ác. Do tham dự **Dược Sư Hội** mà các vị này đã sửa chữa lỗi lầm, nghiêng về sự hiền thiện, lại phát Nguyện hộ trì Phật Pháp, trợ giúp người tu hành Chính Pháp

Tám vạn bốn ngàn, xưa kia là sự sinh diệt của trần lao hung ác, là tám vạn bốn ngàn phiền não, nay nương theo Công Đức của 12 Đại Nguyện của Đức Phật Dược Sư, chuyên ngay **ba Chương** đều thành tám vạn bốn ngàn **Tam Muội Tổng Trì**, Pháp Môn Diệu Thiện, chuyển hoá tám vạn bốn ngàn phiền não thành tám vạn bốn ngàn Bồ Đề minh chứng cho Uy Đức và sự thù thắng của Pháp Môn chẳng hai **phiền não tức Bồ Đề** của Đức Phật Dược Sư vậy

Như **Kinh** có nói: “Thế Tôn! Nay chúng con nương vào uy lực của Đức Phật, được nghe danh hiệu của Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nên chẳng còn sợ hãi nẻo ác nữa. Tướng Soái chúng con cùng chung một lòng, cho đến hết đời xin quy y Phật Pháp Tăng, thế sẽ gánh vác tất cả hữu tình để làm các việc nghĩa lợi, nhiều ích, an vui. Tùy theo những chỗ nào, làng xóm, thành, nước, ấp, Không Nhân, trong rừng ... Nếu có lưu bố Kinh này, hoặc lại có người thọ trì danh hiệu của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, cung kính cúng dường thì quyền thuộc của chúng con đều hộ vệ người đó, đều khiến cho giải thoát tất cả nạn khổ. Mọi mong cầu của chư Hữu đều khiến cho đầy đủ. Hoặc có tật ách, cầu vượt thoát cũng nên đọc tụng Kinh này, dùng sợi tơ năm màu kết danh tự của con. Như nguyện xong, sau đó mở gút kết”

Như vậy, sợi dây kết tên gọi của 12 vị Dược Xoa Đại Tướng khiến cho người bệnh cảm kích, cúi lạy, cầu Pháp giúp đỡ. Dược như Nguyện xong thì cởi bỏ nút gút. Đây là ý **đều đến cứu giúp**, cũng là Dược Xoa nương vào 12 Đại Nguyện của Đức Dược Sư Như Lai đi đến cứu giúp khắp chúng sinh, tức là minh họa cho Thế Nguyện rộng lớn **bên trên cầu Đạo Bồ Đề, bên dưới hóa độ chúng sinh** vậy

Đồ Tượng quyển 4, trang 427 ghi nhận Pháp **Thập Nhị Bồ Tự** là:

Đỉnh đầu: AM (𑖦), tai phải: KHAM (𑖦), tai trái: AM (𑖦), vàng trán: AH (𑖦), vai phải : SAM (𑖦), vai trái: SAH (𑖦), trên trái tim: VAM (𑖦), trên cổ họng: HAH (𑖦), lỗ rốn: RAM (𑖦), eo lưng: RAH (𑖦), bắp chân: VAM (𑖦), dưới bàn chân: VAH (𑖦)

Thập Nhị Chi Sinh Cú (câu 12 Chi Sinh) này nhập vào **Phần Nộ Tam Ma Địa**, thành 12 vị Thần Tướng trông coi 12 năm, 12 tháng, 12 ngày, 12 giờ... ủng hộ tất cả chúng sinh, trừ khử điều chẳng tốt lành, cùng với 12 Nhân Duyên, khởi 12 Đại Nguyện